

Số: 616/2026/QĐST-HNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số: 91/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 355/2026/HNST ngày 09 tháng 4 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Chandran K.A. (Chandran A.K.), sinh năm 10/6/1992, Hộ chiếu số: B85426XX ngày cấp 01/01/2024.

Địa chỉ: Số 285/85/23A, đường C, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Phan Thị Quỳnh D, sinh năm 1985, CCCD số: 086185014XXX do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 19/5/2025.

Địa chỉ: Số 285/85/23A, đường C, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người phiên dịch: Bà Lê Nguyễn Anh T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: 98 đường T, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 84/2023 do Ủy ban nhân dân Quận Z (cũ), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/7/2023 thì ông Chandran K.A. (Chandran A.K.) và bà Phan Thị Quỳnh D là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai xin được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thỏa thuận của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Chandran K.A. (Chandran A.K.) và bà Phan Thị Quỳnh D thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Chandran K.A. (Chandran A.K.) và bà Phan Thị Quỳnh D cùng khai không có.

- Về tài sản chung: Ông Chandran K.A. (Chandran A.K.) và bà Phan Thị Quỳnh D cùng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Chandran K.A. (Chandran A.K.) và bà Phan Thị Quỳnh D khai cùng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí thuận tình ly hôn: Ông Chandran K.A. (Chandran A.K.) và bà Phan Thị Quỳnh D phải chịu lệ phí thuận tình ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được trừ vào tạm ứng lệ phí do ông Chandran K.A. (Chandran A.K.) và bà Phan Thị Quỳnh D đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0020925 ngày 03/4/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về ý kiến trình bày của người phiên dịch bà Lê Nguyễn Anh T:

Bà đồng ý tham gia tố tụng trong vụ việc ly hôn giữa bà Phan Thị Quỳnh D và ông Chandran A.K. với tư cách là người phiên dịch cho ông Chandran A.K., phiên dịch từ ngôn ngữ từ tiếng Việt ra tiếng Anh và ngược lại. Bà đã dịch chính xác và đầy đủ nội dung mà ông Chandran A.K. đã trình bày như trên và ông Chandran A.K. đã hiểu. Bà cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung dịch của mình.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Chandran K.A. (Chandran A.K.) và bà Phan Thị Quỳnh D thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Chandran K.A. (Chandran A.K.) và bà Phan Thị Quỳnh D xác định không có.

- Về tài sản chung: Ông Chandran K.A. (Chandran A.K.) và bà Phan Thị Quỳnh D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Chandran K.A. (Chandran A.K.) và bà Phan Thị Quỳnh D khai xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí thuận tình ly hôn: Ông Chandran K.A. (Chandran A.K.) và bà Phan Thị Quỳnh D phải chịu lệ phí thuận tình ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được trừ vào tạm ứng lệ phí do ông Chandran K.A. (Chandran A.K.) và bà Phan Thị Quỳnh D đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0020925 ngày 03/4/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và

không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 4;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4;
- UBND phường H, Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hiếu Thuận